

V X, ngày 14 tháng 3 năm 2022

Số: 03/2022/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2, khoản 7 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 3 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 20/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1968; Số căn cước công dân 002168000630, ngày 13/4/2021, nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an; Địa chỉ: Thôn Làng V, thị trấn V, huyện V, tỉnh H.

Bị đơn: Bà Nông Bích Th, sinh năm: 1963; Số chứng minh nhân dân 073272051, cấp ngày 30/01/2016, nơi cấp: Công an tỉnh H; Địa chỉ: Thôn Bản T, xã T, huyện V, tỉnh H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Nông Bích Th, sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn Bản T, xã T, huyện V, tỉnh H phải trả cho bà Lê Thị N, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn Làng V, thị trấn V, huyện V, tỉnh H với số tiền gốc là 80.500.000đ (Tám mươi triệu năm trăm nghìn đồng chẵn) và không phải trả lãi suất của khoản tiền vay. Thời hạn trả số tiền nợ kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

Cụ thể thanh toán như sau:

Lần 1: Thanh toán số tiền 40.000.000đ vào ngày 25/3/2022.

Lần 2: Thanh toán số tiền 40.500.000đ vào ngày 25/4/2022.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí: Bà Nông Bích Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.012.500 đồng (*Hai triệu không trăm mười hai nghìn năm trăm đồng chẵn*).

Trả lại cho bà Lê Thị N, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn Làng V, thị trấn V, huyện V, tỉnh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.012.500 đồng theo biên lai số 0002198 ngày 15/12/2021 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh H;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Xuân